

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lá;

Ông Vi Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Ngọc N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng nhà chồng tại thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đến khoảng giữa năm 2011, vợ chồng xây nhà trên đất bố mẹ chồng cho, để ra ở riêng. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, từ tháng 11 năm 2022, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Vi Ngọc N nghiện đánh

bạc như ba cây, xóc đĩa,...chơi thua hết tiền, không có tiền để đánh bạc nên anh Vi Ngọc N lại cầm chiếc xe đạp điện của con trai, cầm chiếc xe máy của chị Nông Thị H, thậm chí có lần còn lấy xe của em trai đi cầm, trong nhà có đồ đạc gì có giá trị anh đều mang đi cầm; toàn bộ số tiền anh Vi Ngọc N cầm được đều dùng để đánh bạc. Chị có khuyên bảo anh không được làm như vậy nữa nhưng anh không đồng ý, thậm chí còn đánh chị; mỗi lần đi uống rượu say về lại đánh chửi chị trước mặt con trai. Những lần bị đánh, chị chỉ biết nhẫn nhịn, chịu đựng vì thương con nên cũng không báo chính quyền địa phương để lập biên bản. Trong cuộc sống anh Vi Ngọc N lười lao động, chỉ mải chơi, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, kinh tế chính trong gia đình đều do một mình chị Nông Thị H gánh vác, anh Vi Ngọc N không phụ giúp việc gì. Gia đình nội ngoại hai bên cũng nhiều lần khuyên bảo anh Vi Ngọc N thay đổi, để vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc, hóa giải mâu thuẫn nhưng anh Vi Ngọc N không chịu nghe ý kiến đóng góp của người khác, không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay, tuy anh chị vẫn chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai; tết năm 2023 chị đưa con trai về nhà ngoại ăn tết, không trở về nhà chồng. Nay chị xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Vi Ngọc N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 01-10-2010. Khi ly hôn, chị Nông Thị H yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Ngọc Đ đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Vi Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nông Thị H cung cấp hợp đồng lao động, bảng xác nhận lương hàng tháng; giấy xác nhận của chủ nhà trọ; giấy xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp cháu Vi Ngọc Đ theo học để chứng minh mức thu nhập, điều kiện nuôi con, môi trường sinh sống và học tập của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Vi Ngọc Đ: Việc bố mẹ xảy ra mâu thuẫn cháu có biết, do bố cháu ham mê cờ bạc và còn lấy xe điện của cháu đi cầm nên cháu không có xe để đi học, nhiều lần bố còn lấy xe của mẹ đi cầm để lấy tiền đánh bạc. Có lần được chứng kiến bố đánh mẹ, cháu có can ngăn nhưng do còn nhỏ không đủ sức để can được bố. Trong cuộc sống, chỉ có mẹ cháu hỏi han, quan tâm, chăm sóc cháu còn bố thì không, bố chỉ mải mê uống rượu đánh bạc. Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ cháu.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vi Ngọc N trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như chị Nông Thị H trình bày. Khoảng năm 2011, do anh tham gia đánh bạc nhưng chỉ đánh cho vui không đến mức vi phạm pháp luật và cầm đồ đạc trong nhà vì thế vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ đó, tuy nhiên đây là mâu thuẫn nhỏ, sau đó anh thay đổi nên vợ chồng lại chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến khoảng ngày 28 âm lịch năm 2023, do anh có uống rượu say nên có nói vợ mấy câu, có đánh vợ, vợ anh giận anh nên đưa con trai về nhà ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ăn tết và chính thức vợ, chồng sống ly thân nhau từ 28 tết âm lịch năm 2023 đến nay. Sau khi ăn tết xong thì chị Nông Thị H nộp đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án. Trong thời gian ly thân, vợ chồng mỗi người ở một nơi, anh

có gọi điện hỏi thăm nhưng chị Nông Thị H không nghe máy, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Khi biết chị Nông Thị H nộp đơn ly hôn anh tìm cách gọi điện, nhắn tin cho chị Nông Thị H để mong vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Nông Thị H không nghe điện thoại hay trả lời tin nhắn. Nay chị Nông Thị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, chung sống cùng nhau vì con đã lớn. Trường hợp chị Nông Thị H nhất quyết ly hôn, anh cũng không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn yêu thương vợ con, không mong muốn ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 01/10/2010. Trường hợp ly hôn, anh sẽ theo nguyện vọng của con Vi Ngọc Đ xem cháu muốn ở với ai và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất nhưng hòa giải không thành do anh Vi Ngọc N không đồng ý ly hôn mong muốn đoàn tụ và đề nghị Tòa án cho thời gian một tháng để anh khắc phục mâu thuẫn với chị Nông Thị H, trường hợp không khắc phục được mâu thuẫn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, anh Vi Ngọc N được tổng đạt thông báo hợp lệ, nhưng không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả cho anh Vi Ngọc N được biết.

Tòa án tiến hành xác minh với ông Vi Văn B (bố ruột anh Vi Ngọc N); xác minh với trưởng thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về mâu thuẫn vợ chồng: Ông Vi Văn B và trưởng thôn S cho biết, năm 2022 có việc anh Vi Ngọc N lấy xe đạp của con trai đi cắm lầy tiền nên chị Nông Thị H đã rất tức giận; còn việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lí do gì các ông không nắm được thông tin do vợ chồng thường xuyên đi làm, ít khi ở nhà; hiện cháu Vi Ngọc Đ đang sinh sống, học tập cùng chị Nông Thị H tại tỉnh B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H, xử cho chị Nông Thị H ly hôn với anh Vi Ngọc N và chị Nông Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Ngọc Đ cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vi Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị H không yêu cầu, chị Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; giấy xác nhận của nhà trường và của chủ nhà trọ; hợp đồng lao động; sao kê tài khoản xác nhận lương hàng tháng; các biên bản xác minh nguyên nhân, mâu thuẫn vợ chồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Anh Vi Ngọc N và chị Nông Thị H có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có một con chung là cháu Vi Ngọc Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vi Ngọc N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Vi Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh Vi Ngọc N không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau, không thể khắc phục được mâu thuẫn. Điều này phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị H yêu cầu ly hôn với anh Vi Ngọc N là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N có 01 con chung là cháu Vi Ngọc Đ sinh ngày 01 tháng 10 năm 2010. Chị Nông Thị H yêu cầu được nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Nông Thị H về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, vì chị Nông Thị H đã cung cấp mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 5.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng; có giấy xác nhận của chủ trọ về việc mẹ con chị Nông Thị H đang thuê trọ, nơi ở đảm bảo các điều kiện sinh sống, sinh hoạt và xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp nơi con chị đang theo học về việc cháu Vi Ngọc Đ đang theo học ổn định, đã quen với môi trường học tập; trường học nơi con chị đang theo học gần với nơi thuê trọ. Do đó, việc giao con cho chị Nông Thị H sẽ đảm bảo được về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập cho con, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi Ngọc Đ và ý kiến của anh Vi Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nông Thị H. Anh Vi Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị H và anh Vi Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H được ly hôn với anh Vi Ngọc N.

2. Về con chung: Chị Nông Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vi Ngọc Đ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2010, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Vi Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003267 ngày 16-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền